

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 528 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 01 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị**  
**tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 18/10/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2030;

Căn cứ Công văn số 381/HĐND ngày 20/10/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2030;

Căn cứ Công văn số 2973/BXD-PTĐT ngày 28/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc góp ý về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 98/TTr-SXD ngày 17/01/2017, kèm theo báo cáo thẩm định số 247/BC-SXD ngày 28/6/2016,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Quan điểm và mục tiêu**

#### **1.1. Quan điểm**

- Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Hà Tĩnh phù hợp với: Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia, Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

- Phát triển đô thị gắn với phát triển kinh tế vùng: Đô thị thuộc vùng đồng bằng phía Đông gắn với phát triển vùng kinh tế biển, các khu chức năng đặc thù; Đô thị thuộc vùng miền núi và trung du phía Tây phát triển theo hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh và khu kinh tế cửa khẩu; từ đó, hình thành chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 1, Quốc lộ 8 và đường Hồ Chí Minh; chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng lao động phi nông nghiệp và tăng cường đô thị hóa;

- Phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại gắn với xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh và liên kết vùng, liên vùng và khu vực;

- Phát triển đô thị theo hướng tập trung, trọng điểm, hình thành các đô thị động lực có chức năng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng, của Tỉnh;

- Phát triển hệ thống đô thị dựa trên các nguồn lực tổng hợp, chú trọng thu hút mọi nguồn vốn; tại mỗi đô thị huy động nguồn lực địa phương gắn với sự tham gia của cộng đồng và phát huy vai trò của dân cư;

- Phát triển đô thị theo hướng bền vững, dựa trên các mô hình: Đô thị sinh thái, đô thị thông minh, kiến trúc xanh; khai thác tốt các điều kiện tự nhiên và sử dụng hợp lý tài nguyên, quỹ đất, thích ứng với quá trình biến đổi khí hậu.

#### **1.2. Mục tiêu**

- Đến năm 2020, toàn tỉnh có 17 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại II, 02 đô thị loại III, 05 đô thị loại IV và 09 đô thị loại V;

- Đến năm 2025, toàn tỉnh có 19 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 08 đô thị loại IV và 08 đô thị loại V;

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 32 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại II, 02 đô thị loại III là các đô thị động lực; 12 đô thị loại IV và 16 đô thị loại V.

### **2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị của tỉnh theo các giai đoạn**

#### **2.1. Đến năm 2020**

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn Tỉnh đạt từ 30 - 32%;

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đạt 26,5 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố đối với đô thị loại II, III đạt 90%, đối với đô thị loại IV, V đạt 85%;

- Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại II đạt 22%, đô thị loại III đạt 19%, đô thị loại IV đạt 17%, đô thị V đạt 16%. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đối với đô thị loại II đạt 10%, đô thị loại III đạt 8%, đô thị loại IV đạt 5%, đô thị V đạt 2%;

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đối với đô thị loại II, III đạt 95%, đô thị loại IV đạt 90%, đô thị loại V đạt 80%; tiêu chuẩn cấp nước đối với đô thị loại II, III đạt 130 lít/người/ngày đêm; đô thị loại IV đạt 110 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 90 lít/người/ngày đêm;

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước trên diện tích lưu vực thoát nước đối với đô thị loại II, III, IV, V đạt 80%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đối với đô thị loại II đạt 60%, đô thị loại III, IV, V đạt 50%;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đối với đô thị loại II, III đạt 100%, đối với đô thị loại IV, V đạt 90%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 95%;

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đối với đô thị loại II, III, IV dưới 18%, đối với đô thị loại V dưới 20%;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị đối với đô thị loại II, III, IV đạt 85%, đô thị loại V đạt 80%; tỷ lệ chất thải rắn, khu công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

- Tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng đối với đô thị loại II đạt 100%, đô thị loại III đạt 95%, đô thị loại IV đạt 90%, đô thị loại V đạt 80%; tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đối với đô thị loại II đạt 80%, đô thị loại III đạt 70%, đô thị loại IV, V đạt 50%;

- Đất cây xanh đô thị đối với đô thị loại II, III đạt 7 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại IV, V đạt 5 m<sup>2</sup>/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đối với đô thị loại II đạt 6 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại III, IV đạt 5 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại V đạt 4 m<sup>2</sup>/người.

## 2.2. Đến năm 2025

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn Tỉnh đạt từ 35 - 37%;

- Diện tích sàn nhà ở đô thị đối với đô thị loại II, III đạt 28 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại IV, V đạt 26,5 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố đối với đô thị loại II đạt 95%, đô thị loại III, IV, V đạt 90%;

- Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại II đạt 22%; đô thị loại III, IV đạt 20%, đô thị V đạt 18%. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đối với đô thị loại II đạt 12%, đô thị loại III đạt 10%, đô thị loại IV đạt 6%, đô thị V đạt 5%;

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đối với đô thị loại II đạt 100%, đô thị loại III, IV đạt 95%, đô thị loại V đạt 85%; tiêu chuẩn cấp nước đối với đô thị loại II, III đạt 150 lít/người/ngày đêm; đô thị loại IV đạt 120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 100 lít/người/ngày đêm;

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước trên diện tích lưu vực thoát nước đối với đô thị loại II đạt 90%, đô thị loại III, IV, V đạt 85%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đối với đô thị loại II đạt 70%, đô thị loại III, IV đạt 60%, đô thị loại V đạt 55%;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đối với đô thị loại II, III đạt 100%, đối với đô thị loại IV, V đạt 95%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đối với đô thị loại II, III, IV, V đạt 100%;

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đối với đô thị loại II, III, IV dưới 18%, đối với đô thị loại V dưới 20%;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị đối với đô thị loại II, III đạt 90-95%, đô thị loại IV đạt 90%, đô thị loại V đạt 85-90%; tỷ lệ chất thải rắn, khu công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

- Tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng đối với đô thị loại II, III đạt 100%, đô thị loại IV đạt 95%, đô thị loại V đạt 85%; tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đối với đô thị loại II đạt 90%, đô thị loại III đạt 85%, đô thị loại IV, V đạt 60%;

- Đất cây xanh đô thị đối với đô thị loại II, III đạt 9 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại IV đạt 6 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại V đạt 5 m<sup>2</sup>/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đối với đô thị loại II, III, IV đạt 6 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại V đạt 4 m<sup>2</sup>/người.

### 2.3. Đến năm 2030

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn Tỉnh đạt từ 41 - 43%;

- Diện tích sàn nhà ở đô thị đối với đô thị loại II, III đạt 29 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại IV, V đạt 28 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 95%;

- Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại II đạt 25%; đô thị loại III đạt 23%, đô thị loại IV đạt 21%, đô thị V đạt 20%. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đối với đô thị loại II đạt 15%, đô thị loại III đạt 12%, đô thị loại IV đạt 7%, đô thị V đạt 5%;

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đối với đô thị loại II, III, IV đạt 100%, đô thị loại V đạt 90%; tiêu chuẩn cấp nước đối với đô thị loại II, III đạt 150 lít/người/ngày đêm; đô thị loại IV đạt 130 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt 120 lít/người/ngày đêm;

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước trên diện tích lưu vực thoát nước đối với đô thị loại II đạt 95%, đô thị loại III, IV, V đạt 90%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đối với đô thị loại II đạt 85-90%, đô thị loại III, IV đạt 65%, đô thị loại V đạt 60%;

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm đạt 100%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%;

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch tối đa 18%;

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị đối với đô thị loại II, III, IV đạt 100%, đô thị loại V đạt 90-95%;

tỷ lệ chất thải rắn, khu công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

- Tỷ lệ các tuyến đường chính được chiếu sáng đối với đô thị loại II, III, IV đạt 100%, đô thị loại V đạt 90%; tỷ lệ chiếu sáng ngõ hẻm đối với đô thị loại II, III đạt 100%, đô thị loại IV, V đạt 70%;

- Đất cây xanh đô thị đối với đô thị loại II, III đạt 10 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại IV đạt 6 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại V đạt 5 m<sup>2</sup>/người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đối với đô thị loại II, III, IV đạt 6 m<sup>2</sup>/người, đô thị loại V đạt 4 m<sup>2</sup>/người.

### 3. Danh mục, lộ trình và kế hoạch nâng loại hệ thống đô thị

STT	Tên đô thị	Loại đô thị			
		Hiện trạng (năm 2015)	Giai đoạn 2016- 2020	Giai đoạn 2021- 2025	Giai đoạn 2026- 2030
I	Các đô thị hiện hữu				
1	Thành phố Hà Tĩnh	III	II	II	II
2	Thị xã Hồng Lĩnh	IV	III	III	III
3	Thị xã Kỳ Anh	IV	III	II	II
4	Thị trấn Nghèn	V	IV	IV	IV
5	Thị trấn Hương Khê	V	IV	IV	IV
6	Thị trấn Phố Châu	V	IV	IV	IV
7	Thị trấn Tây Sơn	V	V	V	IV
8	Thị trấn Thiên Cầm	V	V	IV	IV
9	Thị trấn Cẩm Xuyên	V	V	IV	IV
10	Thị trấn Đức Thọ	V	IV	IV	III
11	Thị trấn Thạch Hà	V	V	IV	IV
12	Thị trấn Vũ Quang	V	V	V	IV
13	Thị trấn Xuân An	V	IV	IV	IV
14	Thị trấn Nghi Xuân	V	V	V	IV
15	Đô thị huyện lỵ Lộc Hà	V	V	V	IV
II	Các đô thị dự kiến hình thành				
16	Đô thị Kỳ Phong				V
17	Đô thị Kỳ Đồng			V	V
18	Đô thị Kỳ Trung				V
19	Đô thị Kỳ Xuân				V
20	Đô thị Kỳ Lâm				V
21	Đô thị Đồng Lộc		V	V	V
22	Đô thị Hương Trà				V
23	Đô thị Phúc Đồng				V
24	Đô thị La Khê				V
25	Đô thị Năm				V
26	Đô thị Nước Sốt				V

27	Đô thị Tam Đồng				V
28	Đô thị Lạc Thiện				V
29	Đô thị Đức Đồng				V
30	Đô thị Phù Việt				V
31	Đô thị Xuân Thành		V	V	IV
32	Đô thị Cương Gián			V	V

4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối các đô thị và nguồn lực thực hiện

4.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, lộ trình thực hiện

STT	Danh mục dự án	Giai đoạn thực hiện		
		2016-2020	2021-2025	2026-2030
A	Hạ tầng kỹ thuật			
I	Dự án giao thông			
1	Đường cao tốc Bắc Nam đoạn Bãi Vọt - Vũng Áng	X	X	
2	Quốc lộ 1 đoạn tránh Đèo con Hà Tĩnh đi Quảng Bình, nâng cấp, mở rộng QL1 đoạn Bắc thành phố Hà Tĩnh (Km504+400 - Km509+700) và Nam thành phố Hà Tĩnh (Km514+800 - Km517+950), đoạn qua khu vực nội thị thị xã Kỳ Anh	X		
3	Nâng cấp QL8 đoạn từ Km37+00 - Km85+300	X		
4	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 15B đoạn từ ngã ba Đồng Lộc đến Quốc lộ 1	X		
5	Nâng cấp QL12C đoạn từ Vũng Áng đến tuyến tránh QL1	X		
6	Đường ven biển đoạn Xuân Hội - Hộ Độ, Cẩm Lĩnh - Kỳ Xuân - Vũng Áng	X		
7	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh ĐT 551 đoạn thị trấn Cẩm Xuyên - thị trấn Thiên Cầm	X		
8	Đường tỉnh ĐT 553 đoạn từ Trạm Bù đến cuối tuyến (giao với đường Hồ Chí Minh Km9+00-Km40+814), đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến đồn biên phòng Bản Giàng	X		
9	Đường từ Thịnh Lộc đến Quốc lộ 15A tại Khe Giao	X	X	
10	Đường tỉnh ĐT 554 đoạn Đức Dũng - Khe Giao và đoạn Thạch Điền - Kỳ Lạc	X	X	
11	Đường Hàm Nghi kéo dài đến đường cao tốc Bắc Nam	X		
12	Cầu cửa Hội tại xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân	X		
13	Tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Dạ thuộc hệ thống đường sắt xuyên Á		X	
14	Trung tâm logistic Vũng Áng	X		

15	Trung tâm logistic Đức Thọ		X	X
16	Xây dựng hoàn chỉnh cảng Vũng Áng - Sơn Dương theo quy hoạch	X	X	X
17	Xây dựng, nâng cấp cảng Xuân Hải, cảng Cửa Sót		X	
18	Đường sắt cao tốc Bắc Nam		X	X
19	Xây dựng đường cao tốc Hồ Chí Minh đoạn Sơn Lẽ - Yên Lộc nối đường cao tốc Bắc Nam		X	X
20	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 15 đoạn từ Lạc Thiện - Đồng Lộc - Hương Trà - La Khê		X	X
21	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 12C đoạn từ phường Sông Trí đi Quảng Bình		X	X
22	Nâng cấp, mở rộng ĐT 546 đoạn từ TT Xuân An nối đường ven biển		X	
23	Nâng cấp, mở rộng ĐT 548 đoạn từ thị trấn Nghèn đi Đồng Lộc, từ Nghèn đi Lộc Hà			X
24	Nâng cấp, mở rộng ĐT 550 từ TP Hà Tĩnh đi mỏ sắt Thạch Khê		X	X
25	Nâng cấp, mở rộng ĐT 552 đoạn từ Tùng Ảnh đi thị trấn Vũ Quang			X
26	Nâng cấp, mở rộng ĐT 555 đoạn từ phường Sông Trí đi Kỳ Ninh			X
27	Sân bay Hà Tĩnh tại huyện Cẩm Xuyên		X	X
II	Dự án điện			
1	Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II	X		
2	Nhà máy Nhiệt điện Formosa	X		
3	Nâng công suất Nhiệt điện Vũng Áng II		X	
4	Nhà máy thủy điện Ngàn Trươi, thủy điện Đá Hàn, thủy điện Hương Sơn 2	X		
5	Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng III		X	
6	Nhà máy điện mặt trời Cẩm Hoà		X	
7	Xây dựng các Trạm biến áp và đường dây 220kV, 110kV theo quy hoạch	X	X	X
III	Dự án cấp nước			
1	Nâng công suất Nhà máy nước Bộc Nguyên từ 30.000m <sup>3</sup> /ng.đ lên 50.000m <sup>3</sup> /ng.đ, từ 50.000m <sup>3</sup> /ng.đ lên 75.000m <sup>3</sup> /ng.đ	X	X	
2	Xây dựng và nâng cấp Nhà máy nước xã Cẩm Sơn công suất 3.500 m <sup>3</sup> /ng.đ, từ 3.500 m <sup>3</sup> /ng.đ lên 5.350 m <sup>3</sup> /ng.đ	X	X	
3	Xây dựng và nâng cấp Nhà máy nước tại thị trấn Phố Châu công suất 2.500 m <sup>3</sup> /ng.đ, từ 2.500 m <sup>3</sup> /ng.đ lên 5.000 m <sup>3</sup> /ng.đ	X	X	
4	Xây dựng nhà máy nước Phú Gia, huyện Hương Khê	X		

5	Xây dựng và nâng cấp Nhà máy nước Đá Bạc công suất 10.000m <sup>3</sup> /ng.đ, từ 10.000 m <sup>3</sup> /ng.đ lên 20.000 m <sup>3</sup> /ng.đ	X	X	
6	Nâng cấp Nhà máy nước Vũng Áng 3 từ 30.000 m <sup>3</sup> /ngđ lên 60.000 m <sup>3</sup> /ng.đ		X	
7	Nâng cấp Nhà máy nước Kỳ Thịnh từ 35.000 m <sup>3</sup> /ng.đ lên 80.000 m <sup>3</sup> /ng.đ			X
8	Xây dựng và nâng cấp Nhà máy nước Đồng Lộc công suất 10.000 m <sup>3</sup> /ng.đ, từ 10.000 m <sup>3</sup> /ng.đ lên 15.000 m <sup>3</sup> /ng.đ	X		X
9	Xây dựng nhà máy nước hồ Xuân Hoa 2 công suất 5.000 m <sup>3</sup> /ng.đ, từ 5.000 m <sup>3</sup> /ng.đ lên 10.000 m <sup>3</sup> /ng.đ		X	X
10	Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	X	X	X
11	Xây dựng nhà máy nước Hồ Kẻ Gỗ			X
IV	<i>Dự án xử lý rác thải, nước thải</i>			
1	Nâng cấp Khu xử lý rác thải tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên với công suất 290 tấn/ng.đ		X	X
2	Nâng cấp Khu xử lý rác thải tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh với công suất 270 tấn/ng.đ		X	X
3	Nâng cấp, mở rộng Khu xử lý rác thải xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà với công suất 240 tấn/ng.đ	X		
4	Nâng cấp, mở rộng Khu xử lý rác thải xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà với công suất 480 tấn/ng.đ		X	X
5	Xây dựng Khu xử lý rác thải tại xã Hương Thủy, huyện Hương Khê công suất 89 tấn/ng.đ	X		
6	Xây dựng Khu xử lý rác thải tại xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang công suất 32 tấn/ng.đ	X		
7	Xây dựng Khu xử lý rác thải tại xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn với công suất 240 tấn/ng.đ		X	X
8	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại TP Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh	X		
9	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tại các đô thị loại IV		X	X
V	<i>Dự án Thông tin truyền thông</i>			
1	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Hà Tĩnh theo công nghệ điện toán đám mây	X		
2	Ngầm hóa cáp trên các tuyến phố chính tại TP Hà Tĩnh, TX Hồng Lĩnh, TX Kỳ Anh	X	X	
3	Lắp đặt các điểm truy cập WIFI công cộng tại TP Hà Tĩnh, TX Hồng Lĩnh, TX Kỳ Anh và các khu du lịch biển Thiên Cầm, Thạch Bàng, Xuân Thành		X	
B	<i>Hạ tầng xã hội</i>			



<i>I</i>	<i>Dự án Thương mại, dịch vụ</i>			
1	Trung tâm thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị,...) tại các đô thị từ loại II đến loại IV	X	X	X
<i>II</i>	<i>Dự án Văn hóa, Thể thao, Du lịch</i>			
1	Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh	X		
2	Công viên trung tâm thành phố Hà Tĩnh	X	X	
3	Nhà văn hóa công nhân Khu kinh tế Vũng Áng			X
4	Xây mới Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh			X
5	Hạ tầng Khu du lịch biển Xuân Thành	X	X	
6	Hạ tầng Khu du lịch biển huyện Lộc Hà	X	X	
7	Hạ tầng Khu du lịch Quốc gia Thiên Cầm	X	X	X
8	Hạ tầng Khu du lịch biển Kỳ Xuân		X	
9	Khu di tích quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du	X	X	
10	Hạ tầng Khu di tích, văn hóa Chùa Hương Tích	X		
11	Khu công viên thể thao Hồ Mộc Hương	X	X	
12	Hạ tầng Khu du lịch hồ Kẻ Gỗ, hồ Trại Tiểu		X	X
<i>III</i>	<i>Dự án Giáo dục và Đào tạo</i>			
1	Trường Đại học Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	X	X	
2	Trường Cao đẳng nghề Việt Đức (Trường nghề chất lượng cao)	X	X	
<i>IV</i>	<i>Dự án Y tế</i>			
1	Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh	X		
2	Xây dựng bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 1000 giường bệnh (cơ sở II)			X
3	Bệnh viện Y học cổ truyền (giai đoạn 2)	X		
4	Nâng cấp Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	X		
5	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm mắt thành Bệnh viện mắt Hà Tĩnh		X	
6	Nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh thành Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	X	X	X
7	Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh	X		
8	Bệnh viện sản nhi		X	
9	Bệnh viện quốc tế tại Thị xã Kỳ Anh			X
<i>V</i>	<i>Dự án phát triển Khu kinh tế, khu công nghiệp</i>			
1	Đường từ Khu công nghiệp đa ngành đi Khu công nghệ cao Khu kinh tế Vũng Áng	X		
2	Đường trục chính từ Quốc lộ 1 đến Khu đô thị trung tâm Khu kinh tế Vũng Áng	X		
3	Đường trục chính Khu kinh tế Vũng Áng (đoạn từ Quốc lộ 12C đi khu dịch vụ hậu cảng, bến cảng số 3, 4 và Trung tâm Logistics Vũng Áng)	X		

4	Đường từ cảng Vũng Áng đến Khu liên hợp gang thép Formosa (giai đoạn 2)	X		
5	Đường Quốc lộ 1 đi cảng Sơn Dương (Giai đoạn 3)	X		
6	Đường trục chính Khu đô thị du lịch Kỳ Ninh, Khu đô thị trung tâm Kỳ Trinh, đô thị Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Liên, Kỳ Phương đi các Khu tái định cư	X		
7	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu kinh tế Vũng Áng (giai đoạn 1)	X		
8	Hạ tầng khu vực cổng A và cổng B, huyện Hương Sơn	X		
9	Đường trục chính thị trấn Tây Sơn	X		
10	Hạ tầng Khu công nghiệp Gia Lách	X		
11	Hạ tầng Khu công nghiệp Hạ Vàng		X	
12	Hạ tầng Khu công nghiệp Đại Kim		X	
13	Dự án mỏ sắt Thạch Khê	X	X	X
VI	<i>Dự án nhà ở và công sở</i>			
1	Khu nhà ở xã hội tại TP Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh	X	X	X
2	Khu nhà ở công nhân và người lao động thuê tại khu kinh tế Vũng Áng	X	X	X
3	Khu nhà ở công nhân và người lao động thuê tại mỏ sắt Thạch Khê		X	X
4	Khu đô thị mới Hàm Nghi và Trung tâm hành chính tỉnh	X	X	
5	Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh	X		
6	Trung tâm hành chính TX Kỳ Anh	X		
7	Trụ sở BQL Khu kinh tế tỉnh		X	

#### 4.2. Nguồn lực thực hiện

Sử dụng các nguồn lực tổng hợp, chủ đạo từ các loại nguồn vốn, từ các mô hình thu hút đầu tư và từ điều kiện tự nhiên, tài nguyên, quỹ đất hiện có. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tạo nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ phát triển chính thức ODA, mô hình hợp tác công - tư PPP, vốn vay và vốn của các thành phần kinh tế khác. Căn cứ danh mục chi tiết dự án đầu tư, kế hoạch phân bổ nguồn vốn các giai đoạn 5 năm và hàng năm theo nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nghị quyết phê duyệt kế hoạch đầu tư công của tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

#### **Điều 2.** Giao các Sở, ngành và địa phương:

##### 1. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và các nhiệm vụ theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn năm 2012 - 2020.

- Phối hợp với địa phương rà soát, điều chỉnh định kỳ hoặc lập mới quy hoạch xây dựng đối với quy hoạch vùng, quy hoạch chung, quy hoạch các khu chức năng đặc thù, nhất là quy hoạch chung xây dựng của các đô thị hình thành mới trong tương lai, làm cơ sở đầu tư phát triển và để thực hiện đúng lộ trình phát triển hệ thống đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn năm 2016 - 2030.

- Chủ trì thẩm định, hướng dẫn địa phương lập Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị dự kiến lên loại IV; hướng dẫn địa phương thực hiện lồng ghép chương trình phát triển đô thị loại V trong quá trình lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị;

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương lồng ghép nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương. Phối hợp với các Sở, ban, ngành rà soát quy hoạch các ngành, lĩnh vực để xác định các dự án trọng điểm, xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn đầu tư gắn với lộ trình, kế hoạch phát triển đô thị; đảm bảo xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng khung toàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh quyết định chỉ đạo tổ chức tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được công bố.

- Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí đã được Chính phủ quy định và hướng dẫn UBND cấp huyện lập đề án phân loại đô thị và công nhận loại đô thị. Kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị hàng năm để báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Đầu mối tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với các Bộ, Ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách và huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhằm đạt mục tiêu Chương trình đã đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh quyết định ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị. Rà soát, cân đối khả năng phân bổ, bố trí các nguồn vốn thực hiện kế hoạch hàng năm cho từng giai đoạn phát triển các đô thị.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo sự phân công của UBND tỉnh.

## 3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổng hợp kinh phí hàng năm từ

nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư cho phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

#### 4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan chức năng và địa phương rà soát, đối chiếu các số liệu kiểm kê đất đai các đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo lộ trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan chức năng và địa phương tổ chức phương án tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được công bố.

#### 5. Sở Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng rà soát các dự án hạ tầng kỹ thuật giao thông theo quy hoạch, kế hoạch ngành và chương trình phát triển đô thị, lập kế hoạch 5 năm và hàng năm để triển khai đồng bộ.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh kiến nghị với Trung ương có kế hoạch và cơ chế thu hút đầu tư triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh như dự án Đường bộ cao tốc và Đường sắt cao tốc Bắc - Nam.

#### 6. Sở Công Thương:

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, khu thương mại trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án hạ tầng khung các khu công nghiệp, khu thương mại gắn với Chương trình phát triển đô thị tỉnh.

- Nghiên cứu trình tỉnh ban hành các chính sách mời gọi nhà đầu tư các dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thương mại - dịch vụ thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội gắn với lộ trình phát triển các đô thị.

- Trên cơ sở lộ trình phát triển đô thị của các đô thị địa bàn tỉnh, Sở Công Thương chỉ đạo Công ty Điện lực tỉnh Hà Tĩnh đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng phát triển hệ thống mạng lưới cấp điện đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, sản xuất kinh doanh.

#### 7. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn các địa phương lập đề án điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính hoặc lập đô thị mới, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

#### 8. Các Sở, ban, ngành liên quan

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng Sở, ban, ngành quản lý; tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

#### 9. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan rà soát điều chỉnh định kỳ hoặc lập mới quy hoạch xây dựng đối với quy hoạch vùng, quy

hoạch chung, quy hoạch các khu chức năng đặc thù, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị,... làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển theo đúng lộ trình phát triển hệ thống đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn năm 2016 - 2030.

- Chủ trì tổ chức hoặc phối hợp với đơn vị liên quan triển khai các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị. Có trách nhiệm trong việc tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư phát triển các đô thị của địa phương. Xây dựng các dự án ưu tiên có khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư xã hội hóa; đề xuất tháo gỡ các khó khăn của nhà đầu tư. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, khắc phục những chỉ tiêu còn thiếu hoặc điểm thấp để triển khai đề án nâng loại đô thị hoặc công nhận đô thị hình thành mới theo đúng lộ trình được duyệt.


- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan lập Chương trình phát triển từng đô thị, lập hồ sơ khu vực phát triển đô thị trên địa bàn theo lộ trình. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị hàng năm. Lập đề án nâng loại đô thị hoặc công nhận đô thị hình thành mới từng giai đoạn theo Chương trình phát triển đô thị được duyệt. Giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn. Bố trí cán bộ có năng lực trong tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện để hoàn thành tốt công tác quản lý và phát triển đô thị tại địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Chánh, các PVP UBND tỉnh;
  - Trung tâm Công báo - Tin học;
  - Lưu: VT, GT, NL, TM, CN, TH, XD.
- Gửi VB: Giấy và điện tử. 



**Đặng Quốc Khánh**